

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội và các ngành liên quan.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Quy định chế độ bù giá vào lương thống nhất trong cả nước như sau :

a) Nhà nước bảo đảm cho công nhân viên chức, các đối tượng hưởng lương hoặc sinh hoạt phí mua đủ 5 mặt hàng định lượng quy định trong Quyết định số 122-HĐBT ngày 4-10-1986 và điện sinh hoạt theo giá ổn định từng thời gian do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

b) Ở những nơi đang bù giá vào lương, thì có thể tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc như sau :

1. Đối với 5 mặt hàng gạo, thịt, đường, nước mắm, xà phòng, bán theo giá nào thì bù vào lương theo giá ấy; hai mặt hàng điện sinh hoạt và dầu thắp sáng hoặc dùng làm chất đốt cho công nhân viên chức bán theo giá thống nhất trong cả nước.

2. Tiêu chuẩn định lượng để tính bù đối với 5 mặt hàng nói trên theo quy định trong Quyết định số 122-HĐBT ngày 4-10-1986.

3. Mức giá bù phải báo cáo và xin ý kiến của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Nội thương bố trí quỹ hàng bán theo định lượng cho công nhân viên chức; những mặt hàng nào không đủ bán thì phải có mặt hàng thay thế. Bộ Nội thương và Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quy định quy cách, phẩm cấp các mặt hàng định lượng chuẩn và các mặt hàng thay thế, bảo đảm mặt hàng thay thế có giá trị dinh dưỡng hoặc

giá trị sử dụng tương đương với mặt hàng định lượng chuẩn.

Điều 3. — Ngoài việc bảo đảm cung ứng kịp thời, đầy đủ các mặt hàng thiết yếu theo định lượng ghi ở điều 1, tùy theo tình hình diễn biến chỉ số giá cả chung và khả năng ngân sách Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng sẽ xem xét đề có quyết định trợ cấp khó khăn cho công nhân viên chức, các lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách xã hội.

Điều 4. — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1988, Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Nội thương, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và các Bộ, các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này. Đối với các lực lượng vũ trang thì Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành sau khi đã bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 5. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
VÔ VĂN KIẾT

THÔNG TƯ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 202-CT ngày 2-7-1988 quy định tạm thời chế độ thu đối với khai thác vàng từ lòng đất.

Căn cứ Quyết định số 76-HĐBT ngày 13-5-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về thăm

đồ, khai thác, chế biến và mua bán vàng, đá quý khai thác từ lòng đất, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời chế độ thu đối với khai thác vàng từ lòng đất như sau:

I. ĐỐI VỚI XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

Xí nghiệp quốc doanh được phép khai thác vàng từ lòng đất phải nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản thu quốc doanh, và trích nộp lợi nhuận theo chế độ thu hiện hành.

Mức thu quốc doanh chung tạm thời ấn định là từ 20% đến 70% trên giá bán. Mức thu cụ thể cho từng xí nghiệp căn cứ vào điều kiện địa chất và điều kiện kinh tế kỹ thuật khai thác ở từng mỏ do Bộ Tài chính quy định (đối với xí nghiệp Trung ương), Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quy định (đối với xí nghiệp địa phương).

Mức điều tiết các khoản thu cho các cấp ngân sách áp dụng theo chế độ phân cấp ngân sách đối với khoản thu từ xí nghiệp quốc doanh.

**II. ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, TẬP THỂ,
CÁC TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI
XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH**

Cá nhân, tập thể, các tổ chức (không phải là xí nghiệp quốc doanh) được phép khai thác vàng sa khoáng (dưới đây gọi

tất là cá nhân và tập thể) phải nộp cho ngân sách Nhà nước các khoản sau:

1. Lệ phí đăng ký khai thác vàng.

Đề quản lý được số người đi khai thác vàng, khi nhận thẻ hành nghề phải nộp một khoản lệ phí, tính bình quân cho một người/ngày là 200 đồng, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu có thể quy định mức thu lệ phí cao hơn nhưng không quá 400 đồng/người ngày. Toàn bộ lệ phí được thu cho ngân sách huyện (hoặc cấp tương đương) và ngân sách xã nơi có mỏ vàng, mức cụ thể cho từng cấp ngân sách do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quy định.

2. Thu tiền tài nguyên khai thác vàng.

a) Cá nhân, tập thể khi khai thác vàng phải nộp một khoản thu tiền tài nguyên khai thác vàng. Thu tiền tài nguyên khai thác vàng được áp dụng cho từng khu vực sa khoáng, căn cứ vào hàm lượng vàng trong 1m³ sa khoáng và vào điều kiện khó dễ trong khai thác mỏ được thể hiện bằng năng suất bình quân đào đãi vàng.

Khoản thu này áp dụng cho từng khu vực sa khoáng, căn cứ vào hàm lượng vàng (quy thành vàng 10) trên 1m³ quặng, được tính theo 6 bậc:

Bậc	Hàm lượng vàng (gr/m ³ sa khoáng)	Mức thu (%)
1	Từ 0,2 trở xuống	20%
2	Trên 0,2 đến 0,4	30%
3	Trên 0,4 đến 0,6	40%
4	Trên 0,6 đến 0,8	50%
5	Trên 0,8 đến 1,0	60%
6	Trên 1,0	70%

www.ThuVienTapDau.com
Tel: 043-3845 6684
053682
LawSout

Mức thu được tính thành tiền, căn cứ vào hàm lượng vàng, vào năng suất đào đãi vàng bình quân, vào giá mua vàng của Ngân hàng (quy thành vàng 10 trong thời điểm đề tính).

b) Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, sử dụng các ngành của địa phương như Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Chi cục Thuế công thương nghiệp, Ngân hàng và có sự giúp đỡ của Tổng cục Mỏ và Địa chất để xác định các căn cứ nêu trên (hàm lượng, năng suất đào đãi bình quân, giá mua vàng quy thành vàng 10) để quyết định mức thu cụ thể cho từng người/ngày khai thác vàng.

Trường hợp địa phương nào quản lý được sản lượng thực tế khai thác vàng của từng người, từng ngày thì căn cứ vào sản lượng thực tế khai thác, vào hàm lượng vàng, vào mức thu, vào giá mua vàng của Ngân hàng để thu sản lượng thực tế.

c) Tăng giảm mức thu, xử lý vi phạm:

Khi các căn cứ để tính mức thu (hàm lượng, điều kiện khai thác, giá vàng) có sự thay đổi, thì cơ quan thu thuế phải báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu để quyết định lại mức thu cho phù hợp với những căn cứ đã thay đổi.

Đối với những trường hợp vi phạm chế độ thu khai thác vàng thì cơ quan thuế và Ủy ban Nhân dân các cấp được xử lý người vi phạm theo Pháp lệnh Thuế công thương nghiệp hiện hành.

d) Mức điều tiết chế độ thu tiền tài nguyên khai thác vàng giữa Ngân sách trung ương và Ngân sách địa phương được áp dụng theo mức điều tiết về thuế công

thương nghiệp trong chế độ phân cấp ngân sách. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trong phạm vi mức thuế Trung ương điều tiết cho địa phương mà phân điều tiết cho ngân sách huyện, xã nơi có vàng sa khoáng.

Bộ Tài chính, Tổng cục Mỏ và Địa chất, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu phối hợp tổ chức thực hiện ngay những việc phải làm theo chức năng của ngành mình để đưa việc quản lý khai thác vàng vào nền nếp theo đúng Quyết định số 76-HĐBT ngày 13-5-1987 của Hội đồng Bộ trưởng.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

TRẦN ĐỨC LUONG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

NỘI VỤ — TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ liên Bộ Nội vụ — Tổng cục Hải quan số 967-TTLB/NV/TCHQ ngày 8-7-1988 quy định việc xử lý đối với xe gắn máy nhập khẩu không qua thủ tục hải quan.

Những năm gần đây, ở nhiều địa phương trong nước xuất hiện nhiều loại xe gắn máy tự bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa nhập khẩu không qua thủ tục hải quan, không đăng ký với các cơ quan Công an, vẫn tự do lưu hành trên đường, gây